

Số: 147/TB-CEP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

Giảm lãi suất cho vay sản phẩm tín dụng tăng thu nhập đoàn viên công đoàn đối với khách hàng tại các đơn vị trường học, cơ sở giáo dục

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-CEP ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổ chức tài chính vi mô CEP về việc ban hành Quy chế cho vay đối với khách hàng;

Căn cứ Thông báo số 670/TB-CEP ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP về việc ban hành lãi suất cho vay;

Theo tình hình thực tiễn hoạt động tại các chi nhánh, với những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, gây ảnh hưởng đến đời sống, việc làm của người lao động, đặc biệt là người lao động đang làm việc trong lĩnh vực giáo dục,

Nhằm hỗ trợ trước những khó khăn của khách hàng đang làm việc trong lĩnh vực giáo dục, Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP thông báo giảm lãi suất cho vay sản phẩm tín dụng tăng thu nhập đoàn viên công đoàn, cụ thể như sau:

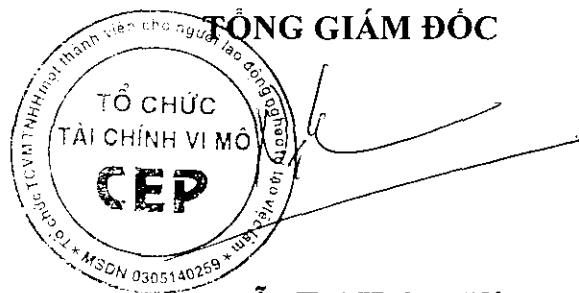
1. Lãi suất cho vay sản phẩm tín dụng tăng thu nhập đoàn viên công đoàn sẽ được giảm 0,05%/tháng (tính theo dư nợ ban đầu) đối với khách hàng tại các đơn vị trường học, cơ sở giáo dục. Biểu hoàn trả gốc, lãi tiền vay theo các Phụ lục đính kèm Thông báo này.

2. Mức giảm lãi suất cho vay trên áp dụng cho các đợt vay được giải ngân kể từ ngày 18/3/2020 cho đến khi có thông báo mới.

3. Các chi nhánh, phòng giao dịch thuộc Tổ chức tài chính vi mô CEP có trách nhiệm thực hiện Thông báo này. Phòng nghiệp vụ của Hội sở có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông báo này tại các chi nhánh, phòng giao dịch./.

Nơi nhận:

- HĐTV và Ban Kiểm soát (để báo cáo);
- Hội sở, chi nhánh CEP (để thực hiện);
- Lưu: VT (CEP).



Nguyễn Thị Hoàng Vân



PHỤ LỤC I

BIỂU HOÀN TRẢ GỐC VÀ LÃI TIỀN VAY TRONG CÙNG MỘT KỲ HẠN TRÊN KHOẢN VAY 1.000.000 ĐỒNG

Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 0,55%/tháng

(Ban hành kèm theo Thông báo số 147/TB-CEP ngày 16/3/2020 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP)

Thời hạn cho vay	Kỳ hạn trả nợ	Số kỳ trả nợ	Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu	Số tiền hoàn trả các kỳ đầu (đồng)			Số tiền hoàn trả kỳ cuối (đồng)			Tổng cộng số tiền hoàn trả (đồng)			Lãi suất tính theo dư nợ thực tế (%/năm)
				Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	
5 tháng	tháng	5	0,55% /tháng	199.500	5.500	205.000	202.000	5.500	207.500	1.000.000	27.500	1.027.500	11,07%
6 tháng	tháng	6	0,55% /tháng	166.500	5.500	172.000	167.500	5.500	173.000	1.000.000	33.000	1.033.000	11,38%
7 tháng	tháng	7	0,55% /tháng	142.500	5.500	148.000	145.000	5.500	150.500	1.000.000	38.500	1.038.500	11,58%
8 tháng	tháng	8	0,55% /tháng	124.500	5.500	130.000	128.500	5.500	134.000	1.000.000	44.000	1.044.000	11,73%
9 tháng	tháng	9	0,55% /tháng	110.500	5.500	116.000	116.000	5.500	121.500	1.000.000	49.500	1.049.500	11,84%
10 tháng	tháng	10	0,55% /tháng	99.500	5.500	105.000	104.500	5.500	110.000	1.000.000	55.000	1.055.000	11,94%
11 tháng	tháng	11	0,55% /tháng	90.500	5.500	96.000	95.000	5.500	100.500	1.000.000	60.500	1.060.500	12,03%
12 tháng	tháng	12	0,55% /tháng	82.500	5.500	88.000	92.500	5.500	98.000	1.000.000	66.000	1.066.000	12,04%
13 tháng	tháng	13	0,55% /tháng	76.500	5.500	82.000	82.000	5.500	87.500	1.000.000	71.500	1.071.500	12,13%
14 tháng	tháng	14	0,55% /tháng	70.500	5.500	76.000	83.500	5.500	89.000	1.000.000	77.000	1.077.000	12,10%
15 tháng	tháng	15	0,55% /tháng	66.500	5.500	72.000	69.000	5.500	74.500	1.000.000	82.500	1.082.500	12,24%
16 tháng	tháng	16	0,55% /tháng	62.500	5.500	68.000	62.500	5.500	68.000	1.000.000	88.000	1.088.000	12,29%
17 tháng	tháng	17	0,55% /tháng	58.500	5.500	64.000	64.000	5.500	69.500	1.000.000	93.500	1.093.500	12,25%
18 tháng	tháng	18	0,55% /tháng	55.500	5.500	61.000	56.500	5.500	62.000	1.000.000	99.000	1.099.000	12,32%
19 tháng	tháng	19	0,55% /tháng	52.500	5.500	58.000	55.000	5.500	60.500	1.000.000	104.500	1.104.500	12,32%
20 tháng	tháng	20	0,55% /tháng	49.500	5.500	55.000	59.500	5.500	65.000	1.000.000	110.000	1.110.000	12,25%
24 tháng	tháng	24	0,55% /tháng	41.500	5.500	47.000	45.500	5.500	51.000	1.000.000	132.000	1.132.000	12,33%
30 tháng	tháng	30	0,55% /tháng	32.500	5.500	38.000	57.500	5.500	63.000	1.000.000	165.000	1.165.000	12,10%
36 tháng	tháng	36	0,55% /tháng	27.500	5.500	33.000	37.500	5.500	43.000	1.000.000	198.000	1.198.000	12,20%



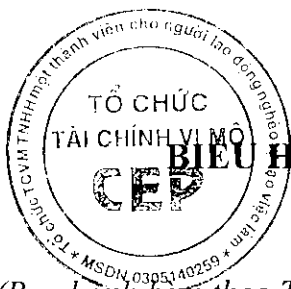
PHỤ LỤC II

BIỂU HOÀN TRẢ GỐC VÀ LÃI TIỀN VAY TRONG CÙNG MỘT KỲ HẠN TRÊN KHOẢN VAY 1.000.000 ĐỒNG

Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 0,56%/tháng

(Ban hành kèm theo Thông báo số 147/TB-CEP ngày 16/3/2020 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP)

Thời hạn cho vay	Kỳ hạn trả nợ	Số kỳ trả nợ	Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu	Số tiền hoàn trả các kỳ đầu (đồng)			Số tiền hoàn trả kỳ cuối (đồng)			Tổng cộng số tiền hoàn trả (đồng)			Lãi suất tính theo dư nợ thực tế (%/năm)
				Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	
5 tháng	tháng	5	0,56% /tháng	199.400	5.600	205.000	202.400	5.600	208.000	1.000.000	28.000	1.028.000	11,26%
6 tháng	tháng	6	0,56% /tháng	166.400	5.600	172.000	168.000	5.600	173.600	1.000.000	33.600	1.033.600	11,58%
7 tháng	tháng	7	0,56% /tháng	142.400	5.600	148.000	145.600	5.600	151.200	1.000.000	39.200	1.039.200	11,78%
8 tháng	tháng	8	0,56% /tháng	124.400	5.600	130.000	129.200	5.600	134.800	1.000.000	44.800	1.044.800	11,93%
9 tháng	tháng	9	0,56% /tháng	110.400	5.600	116.000	116.800	5.600	122.400	1.000.000	50.400	1.050.400	12,05%
10 tháng	tháng	10	0,56% /tháng	99.400	5.600	105.000	105.400	5.600	111.000	1.000.000	56.000	1.056.000	12,15%
11 tháng	tháng	11	0,56% /tháng	90.400	5.600	96.000	96.000	5.600	101.600	1.000.000	61.600	1.061.600	12,23%
12 tháng	tháng	12	0,56% /tháng	82.400	5.600	88.000	93.600	5.600	99.200	1.000.000	67.200	1.067.200	12,24%
13 tháng	tháng	13	0,56% /tháng	76.400	5.600	82.000	83.200	5.600	88.800	1.000.000	72.800	1.072.800	12,33%
14 tháng	tháng	14	0,56% /tháng	71.400	5.600	77.000	71.800	5.600	77.400	1.000.000	78.400	1.078.400	12,44%
15 tháng	tháng	15	0,56% /tháng	66.400	5.600	72.000	70.400	5.600	76.000	1.000.000	84.000	1.084.000	12,44%
16 tháng	tháng	16	0,56% /tháng	62.400	5.600	68.000	64.000	5.600	69.600	1.000.000	89.600	1.089.600	12,49%
17 tháng	tháng	17	0,56% /tháng	58.400	5.600	64.000	65.600	5.600	71.200	1.000.000	95.200	1.095.200	12,45%
18 tháng	tháng	18	0,56% /tháng	55.400	5.600	61.000	58.200	5.600	63.800	1.000.000	100.800	1.100.800	12,52%
19 tháng	tháng	19	0,56% /tháng	52.400	5.600	58.000	56.800	5.600	62.400	1.000.000	106.400	1.106.400	12,51%
20 tháng	tháng	20	0,56% /tháng	49.400	5.600	55.000	61.400	5.600	67.000	1.000.000	112.000	1.112.000	12,45%
24 tháng	tháng	24	0,56% /tháng	41.400	5.600	47.000	47.800	5.600	53.400	1.000.000	134.400	1.134.400	12,52%
30 tháng	tháng	30	0,56% /tháng	32.400	5.600	38.000	60.400	5.600	66.000	1.000.000	168.000	1.168.000	12,29%
36 tháng	tháng	36	0,56% /tháng	27.400	5.600	33.000	41.000	5.600	46.600	1.000.000	201.600	1.201.600	12,38%



PHỤ LỤC III

BIỂU HOÀN TRẢ GỐC VÀ LÃI TIỀN VAY TRONG CÙNG MỘT KỲ HẠN TRÊN KHOẢN VAY 1.000.000 ĐỒNG

Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 0,57%/tháng

(Ban hành kèm theo Thông báo số 147/TB-CEP ngày 16/3/2020 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP)

Thời hạn cho vay	Kỳ hạn trả nợ	Số kỳ trả nợ	Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu	Số tiền hoàn trả các kỳ đầu (đồng)			Số tiền hoàn trả kỳ cuối (đồng)			Tổng cộng số tiền hoàn trả (đồng)			Lãi suất tính theo dư nợ thực tế (%/năm)
				Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	
5 tháng	tháng	5	0,57% /tháng	199.300	5.700	205.000	202.800	5.700	208.500	1.000.000	28.500	1.028.500	11,46%
6 tháng	tháng	6	0,57% /tháng	166.300	5.700	172.000	168.500	5.700	174.200	1.000.000	34.200	1.034.200	11,78%
7 tháng	tháng	7	0,57% /tháng	142.300	5.700	148.000	146.200	5.700	151.900	1.000.000	39.900	1.039.900	11,98%
8 tháng	tháng	8	0,57% /tháng	124.300	5.700	130.000	129.900	5.700	135.600	1.000.000	45.600	1.045.600	12,14%
9 tháng	tháng	9	0,57% /tháng	110.300	5.700	116.000	117.600	5.700	123.300	1.000.000	51.300	1.051.300	12,25%
10 tháng	tháng	10	0,57% /tháng	99.300	5.700	105.000	106.300	5.700	112.000	1.000.000	57.000	1.057.000	12,35%
11 tháng	tháng	11	0,57% /tháng	90.300	5.700	96.000	97.000	5.700	102.700	1.000.000	62.700	1.062.700	12,44%
12 tháng	tháng	12	0,57% /tháng	83.300	5.700	89.000	83.700	5.700	89.400	1.000.000	68.400	1.068.400	12,56%
13 tháng	tháng	13	0,57% /tháng	76.300	5.700	82.000	84.400	5.700	90.100	1.000.000	74.100	1.074.100	12,54%
14 tháng	tháng	14	0,57% /tháng	71.300	5.700	77.000	73.100	5.700	78.800	1.000.000	79.800	1.079.800	12,64%
15 tháng	tháng	15	0,57% /tháng	66.300	5.700	72.000	71.800	5.700	77.500	1.000.000	85.500	1.085.500	12,64%
16 tháng	tháng	16	0,57% /tháng	62.300	5.700	68.000	65.500	5.700	71.200	1.000.000	91.200	1.091.200	12,69%
17 tháng	tháng	17	0,57% /tháng	58.300	5.700	64.000	67.200	5.700	72.900	1.000.000	96.900	1.096.900	12,65%
18 tháng	tháng	18	0,57% /tháng	55.300	5.700	61.000	59.900	5.700	65.600	1.000.000	102.600	1.102.600	12,72%
19 tháng	tháng	19	0,57% /tháng	52.300	5.700	58.000	58.600	5.700	64.300	1.000.000	108.300	1.108.300	12,71%
20 tháng	tháng	20	0,57% /tháng	49.300	5.700	55.000	63.300	5.700	69.000	1.000.000	114.000	1.114.000	12,64%
24 tháng	tháng	24	0,57% /tháng	41.300	5.700	47.000	50.100	5.700	55.800	1.000.000	136.800	1.136.800	12,71%
30 tháng	tháng	30	0,57% /tháng	33.300	5.700	39.000	34.300	5.700	40.000	1.000.000	171.000	1.171.000	12,77%
36 tháng	tháng	36	0,57% /tháng	27.300	5.700	33.000	44.500	5.700	50.200	1.000.000	205.200	1.205.200	12,55%



PHỤ LỤC IV

BIỂU HOÀN TRẢ GỐC VÀ LÃI TIỀN VAY TRONG CÙNG MỘT KỲ HẠN TRÊN KHOẢN VAY 1.000.000 ĐỒNG

Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 0,58%/tháng

(Ban hành kèm theo Thông báo số 147/TB-CEP ngày 16/3/2020 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP)

Thời hạn cho vay	Kỳ hạn trả nợ	Số kỳ trả nợ	Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu	Số tiền hoàn trả các kỳ đầu (đồng)			Số tiền hoàn trả kỳ cuối (đồng)			Tổng cộng số tiền hoàn trả (đồng)			Lãi suất tính theo dư nợ thực tế (%/năm)
				Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	
5 tháng	tháng	5	0,58% /tháng	199.200	5.800	205.000	203.200	5.800	209.000	1.000.000	29.000	1.029.000	11,66%
6 tháng	tháng	6	0,58% /tháng	166.200	5.800	172.000	169.000	5.800	174.800	1.000.000	34.800	1.034.800	11,98%
7 tháng	tháng	7	0,58% /tháng	142.200	5.800	148.000	146.800	5.800	152.600	1.000.000	40.600	1.040.600	12,19%
8 tháng	tháng	8	0,58% /tháng	124.200	5.800	130.000	130.600	5.800	136.400	1.000.000	46.400	1.046.400	12,34%
9 tháng	tháng	9	0,58% /tháng	110.200	5.800	116.000	118.400	5.800	124.200	1.000.000	52.200	1.052.200	12,45%
10 tháng	tháng	10	0,58% /tháng	99.200	5.800	105.000	107.200	5.800	113.000	1.000.000	58.000	1.058.000	12,56%
11 tháng	tháng	11	0,58% /tháng	90.200	5.800	96.000	98.000	5.800	103.800	1.000.000	63.800	1.063.800	12,64%
12 tháng	tháng	12	0,58% /tháng	83.200	5.800	89.000	84.800	5.800	90.600	1.000.000	69.600	1.069.600	12,77%
13 tháng	tháng	13	0,58% /tháng	76.200	5.800	82.000	85.600	5.800	91.400	1.000.000	75.400	1.075.400	12,74%
14 tháng	tháng	14	0,58% /tháng	71.200	5.800	77.000	74.400	5.800	80.200	1.000.000	81.200	1.081.200	12,85%
15 tháng	tháng	15	0,58% /tháng	66.200	5.800	72.000	73.200	5.800	79.000	1.000.000	87.000	1.087.000	12,84%
16 tháng	tháng	16	0,58% /tháng	62.200	5.800	68.000	67.000	5.800	72.800	1.000.000	92.800	1.092.800	12,89%
17 tháng	tháng	17	0,58% /tháng	58.200	5.800	64.000	68.800	5.800	74.600	1.000.000	98.600	1.098.600	12,85%
18 tháng	tháng	18	0,58% /tháng	55.200	5.800	61.000	61.600	5.800	67.400	1.000.000	104.400	1.104.400	12,91%
19 tháng	tháng	19	0,58% /tháng	52.200	5.800	58.000	60.400	5.800	66.200	1.000.000	110.200	1.110.200	12,91%
20 tháng	tháng	20	0,58% /tháng	49.200	5.800	55.000	65.200	5.800	71.000	1.000.000	116.000	1.116.000	12,84%
24 tháng	tháng	24	0,58% /tháng	41.200	5.800	47.000	52.400	5.800	58.200	1.000.000	139.200	1.139.200	12,90%
30 tháng	tháng	30	0,58% /tháng	33.200	5.800	39.000	37.200	5.800	43.000	1.000.000	174.000	1.174.000	12,95%
36 tháng	tháng	36	0,58% /tháng	27.200	5.800	33.000	48.000	5.800	53.800	1.000.000	208.800	1.208.800	12,73%



PHỤ LỤC V

BIỂU HOÀN TRẢ GỐC VÀ LÃI TIỀN VAY TRONG CÙNG MỘT KỲ HẠN TRÊN KHOẢN VAY 1.000.000 ĐỒNG

Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 0,59%/tháng

(Ban hành kèm theo Thông báo số 147/TB-CEP ngày 16/3/2020 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP)

Thời hạn cho vay	Kỳ hạn trả nợ	Số kỳ trả nợ	Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu	Số tiền hoàn trả các kỳ đầu (đồng)			Số tiền hoàn trả kỳ cuối (đồng)			Tổng cộng số tiền hoàn trả (đồng)			Lãi suất tính theo dư nợ thực tế (%/năm)
				Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	
5 tháng	tháng	5	0,59% /tháng	199.100	5.900	205.000	203.600	5.900	209.500	1.000.000	29.500	1.029.500	11,85%
6 tháng	tháng	6	0,59% /tháng	166.100	5.900	172.000	169.500	5.900	175.400	1.000.000	35.400	1.035.400	12,18%
7 tháng	tháng	7	0,59% /tháng	142.100	5.900	148.000	147.400	5.900	153.300	1.000.000	41.300	1.041.300	12,39%
8 tháng	tháng	8	0,59% /tháng	124.100	5.900	130.000	131.300	5.900	137.200	1.000.000	47.200	1.047.200	12,54%
9 tháng	tháng	9	0,59% /tháng	111.100	5.900	117.000	111.200	5.900	117.100	1.000.000	53.100	1.053.100	12,74%
10 tháng	tháng	10	0,59% /tháng	99.100	5.900	105.000	108.100	5.900	114.000	1.000.000	59.000	1.059.000	12,76%
11 tháng	tháng	11	0,59% /tháng	90.100	5.900	96.000	99.000	5.900	104.900	1.000.000	64.900	1.064.900	12,84%
12 tháng	tháng	12	0,59% /tháng	83.100	5.900	89.000	85.900	5.900	91.800	1.000.000	70.800	1.070.800	12,97%
13 tháng	tháng	13	0,59% /tháng	76.100	5.900	82.000	86.800	5.900	92.700	1.000.000	76.700	1.076.700	12,94%
14 tháng	tháng	14	0,59% /tháng	71.100	5.900	77.000	75.700	5.900	81.600	1.000.000	82.600	1.082.600	13,05%
15 tháng	tháng	15	0,59% /tháng	66.100	5.900	72.000	74.600	5.900	80.500	1.000.000	88.500	1.088.500	13,04%
16 tháng	tháng	16	0,59% /tháng	62.100	5.900	68.000	68.500	5.900	74.400	1.000.000	94.400	1.094.400	13,09%
17 tháng	tháng	17	0,59% /tháng	58.100	5.900	64.000	70.400	5.900	76.300	1.000.000	100.300	1.100.300	13,05%
18 tháng	tháng	18	0,59% /tháng	55.100	5.900	61.000	63.300	5.900	69.200	1.000.000	106.200	1.106.200	13,11%
19 tháng	tháng	19	0,59% /tháng	52.100	5.900	58.000	62.200	5.900	68.100	1.000.000	112.100	1.112.100	13,10%
20 tháng	tháng	20	0,59% /tháng	49.100	5.900	55.000	67.100	5.900	73.000	1.000.000	118.000	1.118.000	13,03%
24 tháng	tháng	24	0,59% /tháng	41.100	5.900	47.000	54.700	5.900	60.600	1.000.000	141.600	1.141.600	13,09%
30 tháng	tháng	30	0,59% /tháng	33.100	5.900	39.000	40.100	5.900	46.000	1.000.000	177.000	1.177.000	13,13%
36 tháng	tháng	36	0,59% /tháng	27.100	5.900	33.000	51.500	5.900	57.400	1.000.000	212.400	1.212.400	12,90%



PHỤ LỤC VI

BIỂU HOÀN TRẢ GỐC VÀ LÃI TIỀN VAY TRONG CÙNG MỘT KỲ HẠN TRÊN KHOẢN VAY 1.000.000 ĐỒNG

Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 0,60%/tháng

(Ban hành kèm theo Thông báo số 147/TB-CEP ngày 16/3/2020 của Tổng Giám đốc Tổ chức tài chính vi mô CEP)

Thời hạn cho vay	Kỳ hạn trả nợ	Số kỳ trả nợ	Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu	Số tiền hoàn trả các kỳ đầu (đồng)			Số tiền hoàn trả kỳ cuối (đồng)			Tổng cộng số tiền hoàn trả (đồng)			Lãi suất tính theo dư nợ thực tế (%/năm)
				Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng	
5 tháng	tháng	5	0,60% /tháng	200.000	6.000	206.000	200.000	6.000	206.000	1.000.000	30.000	1.030.000	12,09%
6 tháng	tháng	6	0,60% /tháng	166.000	6.000	172.000	170.000	6.000	176.000	1.000.000	36.000	1.036.000	12,37%
7 tháng	tháng	7	0,60% /tháng	142.000	6.000	148.000	148.000	6.000	154.000	1.000.000	42.000	1.042.000	12,59%
8 tháng	tháng	8	0,60% /tháng	125.000	6.000	131.000	125.000	6.000	131.000	1.000.000	48.000	1.048.000	12,82%
9 tháng	tháng	9	0,60% /tháng	111.000	6.000	117.000	112.000	6.000	118.000	1.000.000	54.000	1.054.000	12,95%
10 tháng	tháng	10	0,60% /tháng	100.000	6.000	106.000	100.000	6.000	106.000	1.000.000	60.000	1.060.000	13,06%
11 tháng	tháng	11	0,60% /tháng	90.000	6.000	96.000	100.000	6.000	106.000	1.000.000	66.000	1.066.000	13,05%
12 tháng	tháng	12	0,60% /tháng	83.000	6.000	89.000	87.000	6.000	93.000	1.000.000	72.000	1.072.000	13,17%
13 tháng	tháng	13	0,60% /tháng	76.000	6.000	82.000	88.000	6.000	94.000	1.000.000	78.000	1.078.000	13,14%
14 tháng	tháng	14	0,60% /tháng	71.000	6.000	77.000	77.000	6.000	83.000	1.000.000	84.000	1.084.000	13,25%
15 tháng	tháng	15	0,60% /tháng	66.000	6.000	72.000	76.000	6.000	82.000	1.000.000	90.000	1.090.000	13,24%
16 tháng	tháng	16	0,60% /tháng	62.000	6.000	68.000	70.000	6.000	76.000	1.000.000	96.000	1.096.000	13,29%
17 tháng	tháng	17	0,60% /tháng	58.000	6.000	64.000	72.000	6.000	78.000	1.000.000	102.000	1.102.000	13,25%
18 tháng	tháng	18	0,60% /tháng	55.000	6.000	61.000	65.000	6.000	71.000	1.000.000	108.000	1.108.000	13,31%
19 tháng	tháng	19	0,60% /tháng	52.000	6.000	58.000	64.000	6.000	70.000	1.000.000	114.000	1.114.000	13,30%
20 tháng	tháng	20	0,60% /tháng	50.000	6.000	56.000	50.000	6.000	56.000	1.000.000	120.000	1.120.000	13,44%
24 tháng	tháng	24	0,60% /tháng	41.000	6.000	47.000	57.000	6.000	63.000	1.000.000	144.000	1.144.000	13,28%
30 tháng	tháng	30	0,60% /tháng	33.000	6.000	39.000	43.000	6.000	49.000	1.000.000	180.000	1.180.000	13,31%
36 tháng	tháng	36	0,60% /tháng	27.000	6.000	33.000	55.000	6.000	61.000	1.000.000	216.000	1.216.000	13,07%